

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 309 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 10 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chính sách hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

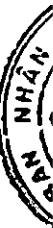
Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;



Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 72/TTr-STNMT ngày 31 tháng 01 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ ổn định đời sống

a) Đối tượng được hỗ trợ: Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 (được sửa đổi bổ sung tại Điều 4 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021) của Bộ Tài nguyên và Môi trường bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà việc thu hồi ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất.

b) Mức hỗ trợ: Mức hỗ trợ được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo cho một nhân khẩu/tháng; giá gạo được tính theo giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ.

c) Thời gian hỗ trợ: 03 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở hoặc 06 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở.

d) Đối tượng được hỗ trợ do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xét duyệt và đề nghị Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

2. Hỗ trợ đối với hộ gia đình chính sách khi Nhà nước thu hồi đất ở mà phải di chuyển chỗ ở

a) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến: 10.000.000 đồng/hộ.

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; người hoạt động kháng chiến

giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế; người có công giúp đỡ cách mạng: 8.000.000 đồng/hộ.

c) Trường hợp trong một hộ gia đình có nhiều đối tượng chính sách được hưởng thì chỉ tính một mức hỗ trợ của đối tượng có mức hỗ trợ cao nhất.

3. Hỗ trợ đối với hộ gia đình liệt sỹ khi Nhà nước thu hồi đất ở mà phải di chuyển chỗ ở: Hộ gia đình hoặc cá nhân là đối tượng trực tiếp thờ cúng liệt sỹ được hỗ trợ 6.000.000 đồng/hộ.

4. Hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo (có sổ hộ nghèo, hộ cận nghèo) khi Nhà nước thu hồi đất ở mà phải di chuyển chỗ ở

a) Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện hộ nghèo: 15.000.000 đồng/hộ.

b) Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện hộ cận nghèo: 10.000.000 đồng/hộ.

5. Trường hợp hộ gia đình vừa là hộ gia đình chính sách vừa là hộ gia đình liệt sỹ vừa là hộ nghèo hoặc cận nghèo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này thì chỉ tính một chính sách hỗ trợ cao nhất.

6. Hộ gia đình, cá nhân buôn bán, kinh doanh mà không có đăng ký kinh doanh (được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận) khi Nhà nước thu hồi đất mà bị ngừng buôn bán, kinh doanh được hỗ trợ 4.000.000 đồng/hộ.

7. Chính sách tái định cư

a) Hộ gia đình bị thu hồi đất ở có từ 06 nhân khẩu trở lên (không bao gồm nhân khẩu nhập nhờ sau ngày công bố quy hoạch để thực hiện dự án) hoặc hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi từ 150 mét vuông đất ở trở lên mà phải di chuyển chỗ ở thì được bố trí 02 suất tái định cư. Trường hợp có cả hai điều kiện cũng chỉ được bố trí hai suất tái định cư;

b) Hộ gia đình, cá nhân được bố trí 02 suất tái định cư thì chính sách hỗ trợ tái định cư chỉ áp dụng cho 01 suất tái định cư theo quy định, còn một suất tái định cư thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo giá đất ở tại nơi tái định cư;

c) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được bố trí 02 suất tái định cư thì diện tích giao đất ở tái định cư không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở mà không phải di chuyển chỗ ở (không có nhà) hoặc diện tích đất ở còn lại sau thu hồi nhỏ hơn diện tích tối thiểu của đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh mà không còn nhà ở, đất ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi thì được Nhà nước giao một nền đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất. Trường hợp địa

phương không có khu tái định cư thì được nhận khoản tiền hỗ trợ bằng 70% giá trị hỗ trợ tái định cư theo quy định.

Giá đất tính thu tiền sử dụng đất được tính bằng giá đất ở tại khu tái định cư quy định tại khoản 4 Điều 21 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

8. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện di dời bàn giao đất hoặc bàn giao mặt bằng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày thanh toán xong tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư thì được xét thưởng bằng tiền như sau:

a) Thưởng 01 triệu đồng trong trường hợp số tiền bồi thường, hỗ trợ dưới 20 triệu đồng.

b) Thưởng 02 triệu đồng trong trường hợp số tiền bồi thường, hỗ trợ từ 20 triệu đến dưới 50 triệu đồng.

c) Thưởng 03 triệu đồng trong trường hợp số tiền bồi thường, hỗ trợ từ 50 triệu đến dưới 100 triệu đồng.

d) Thưởng 05 triệu đồng trong trường hợp số tiền bồi thường, hỗ trợ từ 100 triệu đến dưới 200 triệu đồng.

đ) Thưởng 08 triệu đồng trong trường hợp số tiền bồi thường, hỗ trợ từ 200 triệu đồng trở lên.

Các trường hợp bàn giao đất hoặc bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo quy định tại khoản này phải được lập thành biên bản và có chữ ký của các bên giao, nhận theo quy định. Không xét thưởng đối với cơ quan Đảng, Đoàn thể, Nhà nước.

9. Hỗ trợ đối với đất ở, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở và các trường hợp xây dựng nhà ở trên sông, kênh, rạch (nhà sàn) khi Nhà nước thu hồi đất mà không đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai.

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất; xây dựng nhà ở trên sông, kênh, rạch (nhà sàn) từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, có đầu tư trên đất, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận đất đó không có tranh chấp thì được hỗ trợ như sau:

a) Thời điểm sử dụng đất; xây dựng nhà ở trên sông, kênh, rạch (nhà sàn) từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004

- Trường hợp không có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền được hỗ trợ bằng 50% giá trị quyền sử dụng đất;

- Trường hợp có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền nhưng thực tế Nhà nước không quản lý mà người dân vẫn tiếp tục sử dụng được hỗ trợ bằng 40% giá trị quyền sử dụng đất.

b) Thời điểm sử dụng đất; xây dựng nhà ở trên sông, kênh, rạch (nhà sàn) từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014

- Trường hợp không có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền được hỗ trợ bằng 40% giá trị quyền sử dụng đất;

- Trường hợp có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền nhưng thực tế Nhà nước không quản lý mà người dân vẫn tiếp tục sử dụng được hỗ trợ bằng 30% giá trị quyền sử dụng đất.

c) Các trường hợp có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền (trừ trường hợp quy định tại tiết 2 điểm a và tiết 2 điểm b khoản này) hoặc người dân không còn tiếp tục sử dụng hoặc các trường hợp sử dụng đất từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 trở về sau không được xem xét hỗ trợ.

Giá đất để tính hỗ trợ quy định tại điểm a, điểm b khoản này là giá đất có cùng vị trí, loại đất theo Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm quyết định thu hồi đất.

10. Hỗ trợ đối với nhà ở, vật kiến trúc xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai:

a) Xây dựng từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 được hỗ trợ bằng 80% giá trị nhà ở, vật kiến trúc;

b) Xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày công bố quy hoạch để thực hiện dự án được hỗ trợ bằng 60% giá trị nhà ở, vật kiến trúc;

c) Nhà ở, vật kiến trúc xây dựng sau ngày công bố quy hoạch để thực hiện dự án không xem xét hỗ trợ.

d) Giá nhà ở, vật kiến trúc để tính hỗ trợ quy định tại điểm a, điểm b khoản này là giá nhà ở, vật kiến trúc do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm quyết định thu hồi đất.

11. Hỗ trợ tiền thuê nhà khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án tái định cư

Hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi để thực hiện dự án tái định cư mà đủ điều kiện bố trí tái định cư, nhưng chưa được bố trí tái định cư thì được hỗ trợ tiền thuê nhà như sau:

a) Thành phố Phú Quốc: 3.000.000 đồng/tháng/hộ (có từ 04 nhân khẩu trở xuống).

b) Các huyện, thành phố còn lại: 2.000.000 đồng/tháng/hộ (có từ 04 nhân khẩu trở xuống).

c) Đối với hộ có trên 04 nhân khẩu thì mỗi nhân khẩu tăng thêm được hỗ trợ thêm 250.000 đồng/nhân khẩu/tháng.

d) Thời gian hỗ trợ tính từ thời điểm người có đất bị thu hồi bàn giao đất đến khi nhận được đất tái định cư cộng thêm 6 tháng xây dựng nhà mới.

12. Hỗ trợ cho thuê đất để tiếp tục sản xuất đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng mà người sử dụng đất không được bồi thường về đất.

Khi Nhà nước thu hồi đất sản xuất nông nghiệp của người đang sử dụng được Nhà nước cho thuê đất thì người sử dụng đất được xem xét hỗ trợ thuê đất để tiếp tục sản xuất nông nghiệp.

a) Các hình thức hỗ trợ:

- Hỗ trợ để được thuê lại đất tại làng nghề trên địa bàn tỉnh;

- Ủy ban nhân dân có thẩm quyền xem xét, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp địa phương có điều kiện về quỹ đất đã được giải phóng mặt bằng.

b) Điều kiện để được hỗ trợ cho thuê đất để tiếp tục sản xuất nông nghiệp:

- Người có đất thu hồi có nhu cầu tiếp tục được thuê đất để sản xuất nông nghiệp;

- Thời hạn sử dụng đất còn lại tính đến thời điểm có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tối thiểu bằng 1/3 thời hạn thuê đất ghi trong hợp đồng thuê đất;

- Việc thu hồi đất đó ảnh hưởng đến đời sống, việc làm của nhiều lao động trực tiếp sản xuất nông nghiệp;

- Tại thời điểm có thông báo thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cơ sở sản xuất của người sử dụng đất được Nhà nước cho thuê đất đang hoạt động sản xuất ổn định;

- Người được Nhà nước cho thuê đất đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 58 của Luật Đất đai.

13. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp đối với trường hợp đồng sở hữu trực tiếp sản xuất nông



nghiệp thực hiện như sau:

a) Trường hợp trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ghi diện tích của từng người góp vốn thì thực hiện hỗ trợ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

b) Trường hợp trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ghi diện tích của từng người góp vốn thì thực hiện hỗ trợ theo tỷ lệ phần trăm góp vốn.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các chính sách hỗ trợ được quy định tại Điều 1 Quyết định này là những chính sách hỗ trợ phổ biến, trong trường hợp cần thiết Ủy ban nhân dân huyện, thành phố đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chính sách hỗ trợ khác ngoài những chính sách đã quy định tại Điều 1 Quyết định này cho phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng đối với người có đất thu hồi.

2. Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt và không áp dụng hoặc điều chỉnh lại theo Quyết định này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Đối với những dự án đã có Quyết định phê duyệt phương án bồi thường trước ngày Quyết định này có hiệu lực mà cần thiết phải sửa đổi, bổ sung phương án bồi thường thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp phải sửa đổi, bổ sung phương án bồi thường do lỗi của cơ quan Nhà nước thì áp dụng quy định có lợi cho người có đất bị thu hồi;

b) Trường hợp phải sửa đổi, bổ sung phương án bồi thường do lỗi của người có đất bị thu hồi thì thực hiện theo quy định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao cho Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

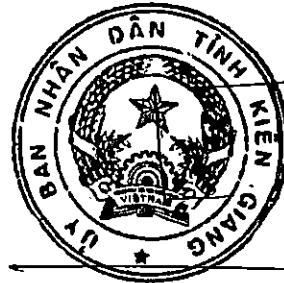
Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2737/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định chính sách hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. *T. 2/20*

Nơi nhận:

- Như Điều 4 Quyết định;
- Bộ Tài nguyên & Môi trường;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Văn phòng ĐDBQH&HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở TN&MT (05 bản);
- LĐVP, P.KT; P.NC; P.TH;
- Lưu: VT, hdtan (01b).

CHỦ TỊCH



hình

Lâm Minh Thành

